

Bản án số: 03/2023/HNGĐ – ST.

Ngày 27/4/2023

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Thắng

2. Bà Đinh Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/3/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX - ST ngày 12/ 4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tẩn Lở M, sinh năm 1977

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao

Trú tại: Thôn Trung C, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Tẩn Lở M: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phòng Sin N, sinh năm 1976

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao

Trú tại: Thôn Trung C, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tẩn Lở M trình bày:

Chị và anh Phòng Sin N chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh N không hợp

nau, anh N không tu trí làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, đã nhiều lần chị khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi, không những thế anh N còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Hiện nay chị và anh N tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2012 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị và anh N đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phòng Sin N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Phòng Sin N có 02 con chung là cháu Phòng Láo Tả, sinh ngày 20/01/1999 và cháu Phòng Sử M, sinh ngày 11/12/2013. Cháu Phòng Láo đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Phòng Sử M chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Phòng Sin N không vay nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Tần Lữ M trình bày:

Chị Tần Lữ M và anh Phòng Sin N chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M và anh N không hợp nhau, anh N thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Chị M và anh N đã ly thân từ năm 2012, đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị và anh N đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị Tần Lữ M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phòng Sin N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Tần Lữ M và anh Phòng Sin N có 02 con chung là cháu Phòng Láo Tả, sinh ngày 20/01/1999 và cháu Phòng Sử M, sinh ngày 11/12/2013. Cháu Phòng Láo đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Phòng Sử M chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị Tần Lữ M, anh Phòng Sin N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M và anh N không vay nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại các biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Phòng Sin N trình bày:

Về thời gian, địa điểm, quá trình chung sống vợ chồng và con chung đúng như chị Tần Lữ M trình bày. Anh và chị Tần Lữ M chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên

hoà giải nhưng không thành. Nay chị M làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Tần Lở M có 02 con chung là cháu Phòng Láo Tả, sinh ngày 20/01/1999 và cháu Phòng Sủ M, sinh ngày 11/12/2013. Cháu Phòng Láo đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Phòng Sủ M chị Tần Lở M sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị Tần Lở M không cho ai vay và cũng không vay nợ của ai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, điều 15; khoản 2 Điều 53 và các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 1916 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Tần Lở M và anh Phòng Sin N là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phòng Sủ M, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Tần Lở M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Phòng Sin N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Tần Lở M thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Tần Lở M và anh Phòng Sin N đều cư trú tại thôn Trung C, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa chị Tần Lở M, anh Phòng Sin N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tần Lở M, anh Phòng Sin N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tần Lở M và anh Phòng Sin N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân nhau từ năm

2012. Nay chị M, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy thời điểm chị Tần Lữ M và anh Phòng Sin N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay thì hai người đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng cho đến nay chị M và anh N cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của chị Tần Lữ M, không công nhận chị Tần Lữ M và anh Phòng Sin N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh N đều xác nhận có hai con chung là cháu Phòng Láo Tả, sinh ngày 20/01/1999 và cháu Phòng Sữ M, sinh ngày 11/12/2013. Cháu Phòng Láo đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, còn cháu Phòng Sữ M còn nhỏ đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên khi ly hôn, chị Tần Lữ M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi cháu đủ 18 tuổi, bản thân cháu Phòng Sữ M khi được Tòa án lấy ý kiến thì muốn ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tần Lữ M không yêu cầu anh Phòng Sin N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Tần Lữ M thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Tần Lữ M và anh Phòng Sin N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phòng Sữ M, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Tần Lữ M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phòng Sữ M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng: anh Phòng Sin N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tẩn Lở M thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Văn Thắng Đinh Thị Hạnh

Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- NBVQL;
- UBND xã Dền Sáng;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Thanh Ly Giờ Gụ

Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- UBND xã Trịnh Tường;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Xuân Phú Vàng Seo Say Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Bản Xèo;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tấn A Liều

Vàng Văn Phủ

Phạm Thị Thanh Hương